

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Kim Oanh.
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1970; địa chỉ thường trú : Số 1065/8A2, khu phố ĐT, phường TĐH, thị xã DA , tỉnh Bình Dương . Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Cáp Th, sinh năm 1965; địa chỉ thường trú : Số 1065/8A2, khu phố ĐT, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh. trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Cáp Th. có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm thì tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐH, huyện DA (phường TĐH, thị xã DA), tỉnh Bình Dương vào ngày 20/6/2005 theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/KH/05 quyển số 01, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở khu phố ĐT, phường TĐH, thị xã DA. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng chị không có con nên thường xuyên cãi nhau, năm 2008 anh Th. chuyển ra ngoài ở và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay. Đầu năm 2017, anh Th. quay

trở về để đoàn tụ gia đình nhưng do vợ chồng sống ly thân đã quá lâu nên chị không còn tình cảm với anh Th.. Khi anh Th. quay về vợ chồng vẫn sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không ai quan tâm chăm sóc ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Th.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung,

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Nghĩa vụ chung về tài sản*: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết

- Ngày 28/4/2017, Tòa án xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nh. và anh Th., chính quyền địa phương, nơi chị Nh. và anh Th. cư trú, cung cấp thông tin: Chị Nh. và anh Th. là vợ chồng sinh sống tại địa chỉ 1065/8A2, khu phố ĐT, phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương, hai vợ chồng không có con chung. Chính quyền địa phương chưa nghe thông tin chị Nh., anh Th. cãi vã hay xích mích nhau, tuy nhiên qua cuộc sống hàng ngày thể hiện vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Bị đơn anh Cáp Th.: Anh Cáp Th. đã được triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 15/5/2017, 09/6/2017; tham gia phiên tòa vào các ngày 27/6/2017 và ngày 14/7/2017 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của chị Nh., không có ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

+ *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Nguyễn Thị Nh. có đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân giữa chị với anh Cáp Th. thường trú tại phường TĐH, thị xã DA, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn anh Cáp Th. để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 15/5/2017, 09/6/2017; tham gia phiên tòa vào các ngày 27/6/2017 và ngày 14/7/2017 nhưng anh Th. vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị Nh. có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 09/6/2017. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Th. và chị Nh..

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh. và anh Cáp Th. là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 85/KH/05 quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân xã TĐH, huyện DA (nay là phường TĐH, thị xã DA), tỉnh Bình Dương vào ngày 20/6/2005 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Trong đời sống vợ chồng giữa chị Nh. và anh Th. xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bắt nguồn từ việc vợ chồng không có con chung vì thế vợ chồng thường xuyên cãi nhau, năm 2008 anh Th. chuyển ra ngoài ở và vợ chồng sống ly thân, đầu năm 2017 anh Th. quay về sống cùng nhà với chị Nh. nhưng cũng không hàn gắn được tình cảm, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau mạnh ai người đó sống, điều này cũng được chính quyền địa phương xác nhận trong biên bản xác minh của tòa án. Vì thế mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân thực tế giữa chị Nh. và anh Th. không còn tồn tại, bản thân chị Nh. không muốn hàn gắn tình cảm thể hiện ở chỗ chị yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Từ những phân tích trên cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Nh. và anh Th. đã trầm trọng, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của chị Nh. là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Nh. và anh Th. không có con chung

[6] Về tài sản chung: Chị Nh. và anh Th. tự thỏa thuận; nghĩa vụ chung về tài sản: chị Nh. và anh Th. không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nh. phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 15, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Nh. được ly hôn với anh Cáp Th..

2. *Về con chung:* Không có, không giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung):* Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Nh. phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009002 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự ;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- UBND phường TĐH, thị xã DA (01);
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoa